

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN LÃO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 19-9-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhạn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phùng Ngọc Anh;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 731/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 775/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P, trú tại: Thôn H, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 6 năm 2022 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:*

Chị T xây dựng hạnh phúc với anh Nguyễn Văn P do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 12 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn H, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Những năm đầu chung sống tình cảm vợ chồng bình thường và có 02 con chung. Đến tháng 6 năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong mọi lĩnh vực, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sống không tôn trọng nhau nên không tìm được tiếng nói chung. Anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác khiến cuộc sống vợ chồng luôn ngột ngạt, căng thẳng. Chị T về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng từ tháng 02 năm 2021 và sống ly thân với anh P từ đó đến nay. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn P. Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung là Nguyễn Hải N, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2009 và Nguyễn Nam D, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2015. Ly hôn chị T đề nghị nuôi 02 con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi các con. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P có lời khai thể hiện: Anh nhất trí lời khai của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh làm nghề lái xe nên có tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Chị T đưa 02 con về nhà mẹ đẻ ở xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng từ năm 2021. Anh P nhận thấy mình sai đã sang xin lỗi bố mẹ chị T và mong muốn chị T cho anh cơ hội vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Do vậy vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay. Chị T xin ly hôn, anh P không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ với chị T. Về con chung: Anh P nhất trí vợ chồng có 02 con chung, họ, tên, tuổi các con như chị T trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn anh thì anh đề nghị Tòa án hỏi ý kiến các con ở với chị T anh đồng ý. Về tài sản chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn P. Về con chung: Giao 02 con Nguyễn Hải N, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2009 và Nguyễn Nam D, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2015 cho chị T nuôi dưỡng, tạm hoãn việc anh P cấp dưỡng nuôi các con. Về tài sản chung: Chị T và anh P không yêu

cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Nguyễn Văn P. Anh Nguyễn Văn P có nơi cư trú tại thôn H, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Vũ Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn P.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn P xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 12 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh P chung sống tại thôn H, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Quá trình chung sống đến năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị T đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ ở xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng từ tháng 02 năm 2021 và sống ly thân với anh P từ đó đến nay. Hai bên không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Chị T xin ly hôn, anh P xin đoàn tụ nhưng anh P không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn anh P là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung là Nguyễn Hải N, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2009 và Nguyễn Nam D, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2015. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi 02 con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi các con. Xét hiện nay chị T có việc làm, có thu nhập, có nơi ở cùng bố mẹ chị và được sự hỗ trợ của gia đình đảm bảo điều kiện nuôi các con. Cháu N và cháu D đã trên 07 tuổi đều có đơn đề nghị được ở với chị T. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cho chị T được nuôi 02 con. Tạm hoãn việc anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi các con.

[5] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Hải N, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2009 và Nguyễn Nam D, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2015 cho chị Vũ Thị T nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi các con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Vũ Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001264 ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Thị T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nhạn**